TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 499/2023/DS-PT
Ngày: 25/4/2023
V/v Tranh chấp hợp đồng đặt cọc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Quy

Các Thẩm phán: 1. Bà Phạm Thị Thảo

2. Bà Lê Thị Ngọc Hương

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hoàng Yến - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 17 và ngày 25 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 100/2023/TLPT-DS ngày 21/02/2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng đặt cọc".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 451/2022/DS-ST ngày 15/12/2022 của Tòa án nhân dân quận C - Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 978/2023/QĐ-PT ngày 06/3/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 3902/2023/QĐ-PT ngày 29/3/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Ngô Thị T**, sinh năm 1993

Địa chỉ: Ấp 4, xã Q, huyện E, tỉnh Đồng Nai

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Sin Thoại K, sinh năm 1973 (có mặt)

Địa chỉ: 351/13 P, Phường O, quận I, Thành phố Hồ Chí Minh

2. Bị đơn: **Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ - Xây dựng M**

Địa chỉ: 192/5/2 A, Phường X, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Vân A, sinh năm 1977

Địa chỉ: 192/5/2 A, Phường X, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Lâm Đ, sinh năm 1972

Địa chỉ: 192/5/2 A, Phường X, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Văn phòng Công chứng L

Địa chỉ: Khu nhà liền kề chợ Q, quốc lộ E, ấp R, xã T, huyện Q, tỉnh Đồng Nai

Người đại diện theo pháp luật: Bà L, sinh năm 1966

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Mai P, sinh năm 1968 (vắng mặt)

Địa chỉ: 60/9A P, Phường I, quận U, Thành phố Hồ Chí Minh

3.2. Ông Nguyễn Phi T, sinh năm 1987 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 8, ấp G, xã H, huyện Q, tỉnh Đồng Nai

4. Người kháng cáo: Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ - Xây dựng M

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 28/7/2021 của nguyên đơn, lời trình bày tại bản tự khai và các biên bản hòa giải của ông Sin Thoại K là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - bà Ngô Thị T trình bày:

Ngày 08/7/2021, bà Ngô Thị T với Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ - Xây dựng M (sau đây gọi tắt là Công ty M) có ký hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo hợp đồng công chứng số 3351, quyển số 04TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng L, với nội dung thỏa thuận như sau:

Công ty M chuyển nhượng cho bà T các thửa đất số 235, 236, 275, 274, 297 tờ bản đồ số 43 theo các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành L427426, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 728 QSDĐ/113/1999, do Ủy ban nhân dân huyện Q cấp ngày 29/01/1999; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành L427643, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 944 QSDĐ/113/1999, do Ủy ban nhân dân huyện Q cấp ngày 29/01/1999; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành AL952660, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02864/QĐ461, do Ủy ban nhân dân huyện Q cấp ngày 21/05/2008.

Giá chuyển nhượng toàn bộ các thửa đất nêu trên là 11.200.000.000 đồng. Khi hợp đồng đặt cọc được ký kết, bà T chuyển cho Công ty M số tiền 2.000.000.000 đồng. Trong vòng 15 ngày (ngày 23/7/2021) bà T phải chuyển cho Công ty M số tiền cọc tiếp theo là 2.000.000.000 đồng, nếu bà T không chuyển đủ tiền cọc thì mất cọc. Nếu ngày 09/7/2021, Công ty M không đi gia hạn quyền sử dụng đất đối với các thửa đất nêu trên thì sẽ đền tiền cọc cho bà T số tiền 4.000.000.000 đồng.

Sau khi hợp đồng đặt cọc được ký kết, bà T đã chuyển cho Công ty M số tiền 2.000.000.000 đồng. Tuy nhiên, ngày 09/7/2021 Công ty M không đi gia

hạn quyền sử dụng đất như đã thỏa thuận trong hợp đồng đặt cọc, nên bà T không chuyển tiền đặt cọc lần 2 cho Công ty M. Sau ngày 09/7/2021, bà T đã nhiều lần yêu cầu Công ty M nhanh chóng tiến hành các thủ tục gia hạn quyền sử dụng đất, nhưng Công ty M vẫn không thực hiện. Do đó, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy hợp đồng đặt cọc ngày 08/7/2021 được ký kết giữa bà T với Công ty M, được Văn phòng công chứng L chứng nhận ngày 08/7/2021, vào sổ công chứng số 3351, quyển số 04TP/CC-SCC/HĐGD;

- Buộc Công ty M trả cho bà T số tiền 4.000.000.000 đồng, trong đó tiền bà T đã đặt cọc là 2.000.000.000 đồng, tiền phạt cọc là 2.000.000.000 đồng.

Ông Nguyễn Lâm Đ là đại diện theo ủy quyền của bị đơn - Công ty M trình bày:

Ngày 08/7/2021, Công ty M ký hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất với bà T, theo hợp đồng công chứng số 3351, quyển số 04TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng L với nội dung như bà T nêu trên.

Thực hiện hợp đồng, bà T đã chuyển cho Công ty M số tiền cọc là 2.000.000.000 đồng và trừ đi tiền môi giới là 224.000.000 đồng, nên thực tế Công ty M chỉ nhận của bà T 1.776.000.000 đồng.

Ngày 09/7/2021, Công ty M đến Phòng một cửa Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai để làm thủ tục gia hạn quyền sử dụng đất đối với các thửa đất nêu trên. Tuy nhiên, do đang thực hiện cách ly phòng chống dịch bệnh Covid-19 nên Công ty M và bà T không gặp nhau, và Phòng một cửa không làm việc nên không thể thực hiện được việc gia hạn đối với các thửa đất trên.

Nay bà T yêu cầu hủy hợp đồng đặt cọc; yêu cầu Công ty M trả tiền cọc và tiền phạt cọc là 4.000.000.000 đồng, ông không đồng ý, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Quá trình giải quyết ông Đ có ý kiến: Công ty M chỉ đồng ý trả lại bà T số tiền 1.776.000.000 đồng là số tiền mà Công ty M đã nhận là 2.000.000.000 đồng trừ đi tiền môi giới là 224.000.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị Mai P là đại diện ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Văn phòng công chứng L trình bày:

Ngày 08/7/2021, Văn phòng công chứng L có nhận hồ sơ yêu cầu công chứng văn bản hợp đồng đặt cọc giữa bên đặt cọc là bà T với bên nhận cọc là Công ty M. Sau khi Văn phòng công chứng đã kiểm tra hồ sơ đã chính xác, cụ thể, có tính hợp pháp; các bên đương sự đều tự nguyện thỏa thuận tiến hành theo quy trình công chứng để đảm bảo trình tự ký hợp đồng đặt cọc; các trình tự gia hạn quyền sử dụng đất và chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

Trước khi văn phòng công chứng tiến hành xây dựng văn bản công chứng, Công chứng viên có xin ý kiến của các bên và giải thích phân tích về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Như vậy, văn phòng công chứng đã thực

hiện đúng trình tự thủ tục và đúng quy định của pháp luật đề ra.

Nay tranh chấp hợp đồng đặt cọc giữa các bên đã xảy ra, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật, và xin được vắng mặt trong các phiên hòa giải và xét xử.

Ông Nguyễn Phi T (ông T là chồng của bà Ngô Thị T) là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Trong vụ án tranh chấp hợp đồng đặt cọc giữa bà T và Công ty M, theo hồ sơ thụ lý số 191/2021/DSST ngày 15/12/2021 của Tòa án nhân dân quận C, ông không có ý kiến gì. Số tiền 2.000.000.000 đồng mà bà T đặt cọc cho Công ty M là tiền riêng của bà T không liên quan đến ông, ông yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, và xin được vắng mặt trong các phiên hòa giải và xét xử.

Tại bản án sơ thẩm số 451/2022/DS-ST ngày 15/12/2022 của Tòa án nhân dân quận C - Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị T.

- Hủy hợp đồng đặt cọc ngày 08/07/2021 được ký kết giữa bà Ngô Thị T với Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ - Xây dựng M, được Văn phòng công chứng L chứng nhận ngày 08/07/2021, vào sổ công chứng số 3351, quyển số 04TP/CC-SCC/HĐGD.

- Buộc Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ - Xây dựng M trả lại cho bà Ngô Thị T số tiền cọc là 2.000.000.000đ (hai tỉ đồng).

Phương thức và thời hạn thanh toán: Thanh toán một lần toàn bộ số tiền trên ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị T về việc buộc Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ - Xây dựng M phải trả cho bà Ngô Thị T tiền phạt cọc là 2.000.000.000đ (hai tỉ đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 27/12/2022, Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ - Xây dựng M có Đơn kháng cáo một phần bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông Nguyễn Lâm Đ là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ - Xây dựng M đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm, hủy Hợp đồng đặt cọc ngày 08/7/2021 giữa bà Ngô Thị T và Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ - Xây

dựng M, không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả lại số tiền đặt cọc 2.000.000.000 đồng vì hợp đồng đặt cọc và chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa hai bên không tiếp tục được là do lỗi của bà T.

Nguyên đơn bà Ngô Thị T có người đại diện theo ủy quyền là ông Sin Thoại K đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ quy định Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 trong quá trình thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ - Xây dựng M không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả lại số tiền đặt cọc 2.000.000.000 đồng. Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa một phần bản án sơ thẩm số 451/2022/DS-ST ngày 15/12/2022 của Tòa án nhân dân quận C - Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thời hạn kháng cáo: Ngày 15/12/2022, Tòa án nhân dân quận C - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử vụ án theo Bản án số 451/2022/DS-ST. Ngày 27/12/2022, Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ - Xây dựng M có Đơn kháng cáo. Căn cứ khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự thì đơn kháng cáo của đương sự còn trong thời hạn kháng cáo đúng quy định nên được chấp nhận.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự:

Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt của bà Nguyễn Thị Mai P là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Văn phòng Công chứng L do đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Phi T do có đơn xin vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ - Xây dựng M sửa một phần bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả lại 2.000.000.000 đồng tiền đặt cọc, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ngày 08/7/2021, giữa nguyên đơn bà Ngô Thị T và bị đơn có ký với nhau Hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 3351, quyển số 04TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng Công chứng L, với nội dung thỏa thuận như sau:

Công ty M chuyển nhượng cho bà T các thửa đất số 235, 236, 275, 274, 297 tờ bản đồ số 43 theo các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành L427426, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 728 QSDĐ/113/1999, do Ủy ban nhân dân huyện Q cấp ngày 29/01/1999; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành L427643, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 944 QSDĐ/113/1999, do Ủy ban nhân dân huyện Q cấp ngày 29/01/1999; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành AL952660, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02864/QĐ461, do Ủy ban nhân dân huyện Q cấp ngày 21/05/2008. Hai bên ghi rõ trong hợp đồng và tại phiên tòa hai bên cùng thừa nhận bên mua hiểu rõ về thời hạn sử dụng đất trong các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng. Hai bên thỏa thuận ngay sau khi ký hợp đồng đặt cọc, bên A đặt cọc cho bên B số tiền 2.000.000.000 đồng, thời hạn đặt cọc cho lần thứ 2 là 15 ngày, kể từ ngày 08/7/2021.

Theo hợp đồng: *"Bên A (bên mua) cam kết nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bên B. Bên B cam kết bán đất cho bên A. Thời gian thực hiện trong vòng 50 (năm mươi) ngày kể từ ngày 08/7/2021." ... ; " nếu đến thời hạn đặt cọc lần 02 (23/7/2021) mà bên A không chuyển đủ số tiền trên thì mất cọc"..."sau 50 ngày kể từ ngày đặt cọc nếu chưa ký hợp đồng chuyển nhượng được thì bên bán gia hạn thêm thời gian cho bên mua đến khi hoàn tất thủ tục gia hạn thì Bên mua giao thêm cho bên bán số tiền 6.000.000.000 đồng..."*

Hai bên cam kết chung: *Bên bán và bên mua cùng đi đến Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Nai để hoàn tất thủ tục gia hạn quyền sử dụng đất vào ngày 09/7/2021. Nếu không được thì bên B sẽ giao cho bên dịch vụ của Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Nai. Nếu không được thì hai bên đồng ý hẹn vào ngày gần nhất..."*.

Bà T cho rằng nhiều lần yêu cầu Công ty M đi gia hạn quyền sử dụng đất để hai bên tiến hành ký kết hợp đồng chuyển nhượng nhưng phía bị đơn cố tình không thực hiện việc gia hạn quyền sử dụng đất nên việc không thực hiện được hợp đồng là lỗi của bị đơn nên bị đơn phải trả lại cho bà số tiền đặt cọc là 2.000.000.000 đồng. Tuy nhiên, theo thỏa thuận trên thì thời hạn thực hiện hợp đồng là 50 ngày kể từ ngày 08/7/2021 nhưng từ 0 giờ ngày 09/7/2021 tỉnh Đồng Nai thực hiện chỉ thị 16/CT-TTg của Thủ tướng Chính Phủ về giản cách toàn xã hội. Do vậy, việc bị đơn chưa đi gia hạn quyền sử dụng đất là lý do khách quan.

Đến ngày 28/7/2021, bà T đã làm đơn khởi kiện Công ty M nội dung đơn khởi kiện yêu cầu hủy hợp đồng đặt cọc ngày 08/7/2021 giữa bà và Công ty M, yêu cầu công ty M trả cho bà số tiền 4.000.000.000 đồng, trong đó 2.000.000.000 đồng tiền đặt cọc và 2.000.000.000 đồng tiền phạt cọc. Đơn khởi kiện của bà T được gửi bằng đường bưu điện đến Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Đồng Nai (dấu bưu điện đóng trên bì thư ngày 27/7/2021).

Hợp đồng đặt cọc được ký kết giữa hai bên, chưa hết thời hạn thực hiện hợp

đồng, bà T đã khởi kiện yêu cầu hủy hợp đồng đặt cọc nên được coi là bên đặt cọc từ chối việc giao kết, thực hiện hợp đồng nên tài sản đặt cọc thuộc về bên nhận đặt cọc theo quy định tại khoản 2 Điều 328 Bộ luật Dân sự năm 2015. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà T, buộc Công ty M trả lại cho bà T 2.000.000.000 đồng tiền đặt cọc là không đúng.

Do vậy, có cơ sở chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ - Xây dựng M.

Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực thi hành.

[3] Về án phí:

[3.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải chịu án phí dân sự theo quy định. Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ - Xây dựng M phải chịu 300.000 đồng; bà Ngô Thị T phải chịu 72.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[3.2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Không ai phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Sửa một phần bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị T.

Hủy hợp đồng đặt cọc ngày 08/07/2021 được ký kết giữa bà Ngô Thị T với Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ - Xây dựng M, được Văn phòng Công chứng L chứng nhận ngày 08/07/2021, vào sổ công chứng số 3351, quyển số 04TP/CC-SCC/HĐGD.

2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Ngô Thị T về việc yêu cầu Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ - Xây dựng M trả lại cho bà Ngô Thị T số tiền cọc là 2.000.000.000đ (Hai tỷ đồng).

3. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị T về việc buộc Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ - Xây dựng M phải trả cho bà Ngô Thị T tiền phạt cọc là 2.000.000.000đ (Hai tỷ đồng).

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ - Xây dựng M phải chịu 300.000 đồng; bà Ngô Thị T phải chịu 72.000.000 đồng, được

cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000752 ngày 08/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Đồng Nai; bà T còn phải nộp thêm 16.000.000 đồng.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm cho Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ - Xây dựng M số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0008574 ngày 03/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận C.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP. HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- TAND Q.Tân Bình;
- Chi cục THADS Q.Tân Bình;
- Chi cục THADS H.Q, T.Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP (T/21).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Kim Quy

